

Học kỳ 1: Lối vào Vibhaṅga Vinaya (Phần 1) – 1.3. Quy tắc Huấn luyện Manussaviggaha

Có nội dung 18+

Ngày xưa, Đức Phật đã thuyết giảng về lợi ích của việc thực hành thiền asubha (quán tưởng về sự ghê tởm của cơ thể) cho các Tỳ-khưu đang cư trú trong hội trường Kūṭāgāra, nằm trong những khu rừng rộng lớn của thành phố Vesālī. Các Tỳ-khưu này rất hăng hái trong việc thực hành thiền asubha. Tuy nhiên, sau một thời gian, các Tỳ-khưu cảm thấy chán nản về cơ thể ghê tởm của chính mình và mong muốn cái chết. Một số Tỳ-khưu đã tự tử. Một số Tỳ-khưu đã giết lẫn nhau. Một số Tỳ-khưu đã tiếp cận một người mang áo tên là Migalaṇḍika, người ăn thức ăn thừa trong các ngôi đền, và kết thúc mạng sống của họ. Khi Đức Phật biết được tình trạng này, Ngài đã ban hành quy tắc huấn luyện pārājikā thứ ba, tuyên bố rằng nếu một Tỳ-khưu giết một con người, thì người đó đã phạm tội pārājikā.

Có một người cư sĩ bị bệnh vào một thời điểm nào đó. Vợ anh ta rất xinh đẹp. Một số Tỳ-khưu trong nhóm Chabbaggiya bị cuốn hút bởi vợ của người bệnh; họ đã tiếp cận anh ta và tuyên bố về giá trị của cái chết. Sau khi nghe về những lợi ích của cái chết, người cư sĩ đã ăn một bữa ăn không phù hợp và chết. Do sự việc này, Đức Phật đã tuyên bố rằng việc tuyên truyền về những lợi ích của cái chết là nguyên nhân dẫn đến tội pārājikā và tuyên bố một điều khoản phụ như sau, áp dụng quy tắc huấn luyện pārājikā thứ ba một lần nữa: “maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya maraṇāya vā samādaṇṇeyya ‘ambho purisa, kiṃ tuyihiminā pāpakena dujjīvitena mataṃ te seyyo’ti. Iti cittamano cittasaṅkappo anekapariyāyena maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya maraṇāya vā samādaṇṇeyya.”

Đọc quy tắc huấn luyện bằng tiếng Pāli

Yo pana bhikkhu sañcicca manussaviggahaṃ jīvitā voropeyya,
satthahāraṃ vā pariyeseyya, maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya
maraṇāya vā samādaṇṇeyya ‘ambho purisa, kiṃ tuyihiminā
pāpakena dujjīvitena mataṃ te seyyo’ti. Iti cittamano cittasaṅkappo
anekapariyāyena maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya, maraṇāya vā
samādaṇṇeyya, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso.

Dịch nghĩa của quy tắc huấn luyện

Nếu bất kỳ Tỳ-khưu nào cố ý tước đoạt mạng sống của một con người, hoặc tìm kiếm kẻ ám sát cho người đó, hoặc ca ngợi sự hấp dẫn của cái chết, hoặc xúi giục [người đó] tự tử [nói rằng]: “Này người tốt, cuộc sống tồi tệ và đáng ghét này có ích gì cho anh? Cái chết

tốt hơn là sống!” nếu người đó, [có] suy nghĩ và tâm trí như vậy, [có] suy nghĩ và ý định như vậy, ca ngợi bằng nhiều cách vẻ đẹp của cái chết hoặc xúi giục [người đó] tự tử, người đó cũng bị tước tư cách, không còn được giao tiếp trong Tăng đoàn.

Mô tả quy tắc huấn luyện

Giết người là việc tước đoạt quyền sống của một sinh vật khác, kết thúc cuộc sống của họ trước khi họ chết tự nhiên trong khi sinh vật đó vẫn có thể sống lâu hơn. Đây là một hành động cực kỳ đáng khinh và hèn hạ. Mọi sinh vật đều thích sống. Một sinh vật được sinh ra theo nghiệp sẽ tiếp tục sống giữa sự trợ giúp của các yếu tố khác miễn là sức mạnh của nghiệp đưa đến tái sinh vẫn còn hiệu lực. Việc làm gián đoạn hạnh phúc và kết thúc mạng sống của một sinh vật có số mệnh sống lâu hơn là hành vi giết người.

Mặc dù việc giết hại bất kỳ sinh vật nào cũng là một tội ác nghiêm trọng, nhưng việc giết đồng loại được coi là một tội ác lớn hơn. Tội ác khi giết một sinh vật thuộc loài của mình cực kỳ nghiêm trọng.

Hành vi giết người được thực hiện với tâm không từ bi. Một Tỳ-khưu là người phải thực hành những đức hạnh như từ bi và cũng phải làm gương cho người khác về điều này. Không cần phải nói rằng giết hại sinh vật khác là một hành động cực kỳ không phù hợp đối với một Tỳ-khưu, khi chỉ cần chửi mắng người khác bằng tâm không từ bi cũng là một hành động không phù hợp. Do đó, giết người là một sai lầm không nên mắc phải đối với một Tỳ-khưu. Hơn nữa, việc giết đồng loại là con người lại là một sai lầm to lớn. Vì vậy, Đức Phật đã tuyên bố quy tắc huấn luyện pārajikā thứ ba, giảng rằng việc giết một con người là một sai lầm to lớn và vô hiệu hóa địa vị cao hơn của một Tỳ-khưu.

Giải thích một số từ Pāli trong quy tắc huấn luyện

1. Sañcicca manussaviggaham jīvitā voropeyya

Sañcicca trong quy tắc huấn luyện này mô tả trạng thái tâm cần có để phạm tội **pārājikā** bằng cách giết một con người. Trong trường hợp này, một **Tỳ-khưu** phải có nhận thức rằng sinh mệnh mà mình đang lấy đi là của một sinh vật sống (**jānanta**). Đồng thời, Tỳ-khưu phải hoàn toàn ý thức rằng mình đang giết một sinh vật nhất định (**sañjānanta**). Tương tự, hành động này phải được thực hiện một cách cố ý với mục đích tra tấn (**cecca**). Hơn nữa, tâm đã xác định phải được thúc đẩy bởi ý tưởng: “Ta đang sử dụng một phương pháp để giết một sinh vật nhất định” (**abhivitaritvā**). Phương pháp này phải được thực thi trong tâm trạng đó (**vītikkaṃma**).

Manussaviggaha có nghĩa là cơ thể con người còn sống. Theo Đức Phật, từ lúc ý thức tái sinh xuất hiện, một sinh vật được coi là sống. Do đó, trong hình thức sự sống của con người, bào thai cũng được coi là một cơ thể con người.

Jīvitā voropeyya đề cập đến việc phá hủy sự sinh trưởng của các yếu tố sự sống vật chất (**rūpa jīvitindriya**) của cơ thể của một con người đã được đề cập, với ý định giết người (như đã nêu ở trên), trước khi sự sinh trưởng của các yếu tố sự sống kết thúc tự nhiên.

2. Satthahāraṇaṃ pariyeseyya

Trong quy tắc huấn luyện này, cụm từ **satthahāraṇaṃ pariyeseyya** đề cập đến hành động giữ vũ khí theo cách mà người muốn tự sát có thể tìm thấy chúng.

3. Maraṇavaṇṇaṃ saṃvaṇṇeyya

Cụm từ **maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya** có nghĩa là làm cho ai đó muốn chết bằng cách ca ngợi cái chết, nói rằng: “Nếu ai đó chết theo cách này, sẽ nhận được sự an lạc như vậy,” v.v.

4. Maraṇāya samādaṇeyya

Maraṇāya samādaṇeyya đề cập đến việc dạy cách để chết, ví dụ: “hãy lấy một thanh kiếm,” v.v.

Định nghĩa một số thuật ngữ liên quan đến quy tắc huấn luyện

Có bốn từ cần phải biết để hiểu rõ về hành vi giết người:

1. **Pāṇa** là sinh vật sống. Theo nghĩa tối hậu, đó là **jīvitindriya** của cơ thể vật chất và dòng tâm thức – **rūpajīvitindriya** và **arūpajīvitindriya**. **10**
2. **Pāṇātipāta** có nghĩa là ý định ác ý nhằm tiêu diệt **jīvitindriya** thuộc về một sinh vật. (Chủ đích) Cetamā
3. **Pāṇātipātī** là người có ý định ác ý như đã đề cập ở trên.
4. **Pāṇātipātassa payoga** là các chiến thuật được sử dụng với ý định ác ý nhằm tiêu diệt **jīvitindriya** thuộc về một sinh vật. Điều này bao gồm sáu cách.

Nỗ lực giết người

Có sáu cách để thực hiện hành vi giết người. Những điều này được gọi là các **nỗ lực giết người**.

10 Kaṇ-a-ṭ. 212: **Jīvitindriyanti rūpārūpajīvitindriyaṃ.**

1. Sāhatthika-payoga là hành động đánh đập bằng cơ thể của chính mình hoặc sử dụng

gậy, kiếm, v.v., những vật dụng có liên hệ trực tiếp với cơ thể. Điều này bao gồm cả việc ca ngợi cái chết.

2. Nissaggiya-payoga là việc ném đá, bắn tên, đạn v.v., bằng cơ thể của chính mình hoặc thông qua một vật có kết nối với cơ thể.

3. Āṇattika-payoga là ra lệnh cho người khác rằng: “Giết người này.”

4. Thāvara-payoga là việc đào hố, đặt bẫy, gài chông v.v., nhằm mục đích giết người khác.

5. Vijjāmaya-payoga là việc sử dụng pháp thuật để giết người.

6. Iddhimaya-payoga là việc sử dụng các năng lực **kamma-iddhi** được ban cho bởi sự sinh ra để giết hại sinh vật. Theo các tài liệu, năng lực này thường gắn liền với các loài phi nhân, và một số người cũng có thể được ban cho năng lực này.

Những điểm quan trọng cần biết về hành vi giết người và quy tắc huấn luyện manussaviggaha

Mô tả dưới đây, như đã nêu trong cuốn **Upasampadā Silaya** của Rerukane Candawimala Thera, rất hữu ích trong việc hiểu rõ quy tắc huấn luyện **pārājikā** thứ ba.

Mô tả về các nỗ lực sāhatthika và nissaggiya

Nỗ lực **sāhatthika**, bao gồm việc đánh đập bằng tay chân của chính mình, gậy, liềm, dao, kiếm, v.v., và nỗ lực **nissaggiya**, bao gồm việc ném đá, lăn đá, đánh bằng gậy, ném bom, bắn súng, v.v., có thể xảy ra dưới hai hình thức **uddissaka** và **anudissaka**. **Uddissaka** có nghĩa là đánh một sinh vật cụ thể nào đó. **Anudissaka** là việc đánh mà không có sự chỉ định cụ thể rằng ai đó có thể chết.

Khi một sinh vật bị đánh với ý định giết hại sinh vật đó, cái chết của cá nhân mục tiêu sẽ dẫn đến việc phạm tội **pārājikā**. Khi kẻ sát nhân tấn công mà không có ý định giết hại một sinh vật cụ thể nhưng với ý định “Mong ai đó chết”, nếu một con người bị giết bởi cuộc tấn công, thì sẽ phạm tội **pārājikā**.

Khi bị đánh với ý định giết người, và người đó chỉ chết sau 20-30 năm, Tỳ-khưu đã đánh sẽ phạm tội **pārājikā** vào thời điểm đánh. Ngay cả khi Tỳ-khưu đó chết trước khi người bị đánh chết, thì Tỳ-khưu đó vẫn sẽ chết như một người không phải là Tỳ-khưu.

Đôi khi, sau khi bị đánh, người ta có thể sống sót nếu nhận được điều trị y tế đầy đủ. Đôi khi người bị tấn công có thể chết ngay cả khi được điều trị. Do đó, rất khó để đánh giá

việc phạm tội **pārājikā** liên quan đến hành động đánh đập.

Nếu một phát súng được bắn bởi một Tỳ-khưu, nhắm vào một con sambhur hoặc hươu trong rừng nhưng lại trúng vào một con người ở xa và người đó chết, Tỳ-khưu đã bắn sẽ không bị buộc tội phạm tội pārājikā. Nếu một viên đạn được nhắm vào một con người cụ thể nhưng lại trúng người khác, tội pārājikā sẽ không được xác định. Tuy nhiên, nếu viên đạn được bắn với ý định “Mong ai đó chết”, thì bất kể ai bị giết bởi phát súng đó, tội pārājikā sẽ bị quy kết. Các chú giải mô tả vấn đề này dưới chủ đề **elaka catukka**.

Elaka catukka

Nếu một Tỳ-khưu kiểm tra vào ban ngày vị trí mà một con dê ngủ và đến cùng vị trí đó để giết nó vào ban đêm, khi tấn công, nếu Tỳ-khưu vô tình giết cha hoặc mẹ mình (người có mặt ở đó) dẫn đến cái chết của họ, Tỳ-khưu sẽ phạm cả tội **pārājikā** và **ānantariyakamma**. Nếu đó là một người khác và người đó chết sau khi bị đánh, chỉ tội **pārājikā** sẽ được xác định. Nếu một phi nhân chết từ cuộc tấn công đó, Tỳ-khưu chỉ phạm tội **thullaccaya**. Nếu đó là con dê chết như dự kiến, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pācittiya**.

Người đi giết dê với ý định giết dê, nhưng cơ thể sinh vật bị tấn công trở thành đối tượng của ý định ác ý. Thời điểm và hành vi phạm tội sẽ được xét dựa trên đối tượng mà ý định đánh đập hướng tới. Mặc dù vào ban đêm Tỳ-khưu nghĩ đó là con dê, nhưng mẹ luôn là mẹ. Chỉ có mẹ sẽ bị Tỳ-khưu tấn công với suy nghĩ: “Ta sẽ tấn công sinh vật này”. Đây là lý do tại sao Tỳ-khưu sẽ phạm cả tội **pārājikā** và **ānantariyakamma** trong những trường hợp như vậy.

Nếu một Tỳ-khưu kiểm tra nơi cha mẹ ngủ và vào ban đêm đi giết cha hoặc mẹ của mình, và họ chết vì cuộc tấn công của Tỳ-khưu, Tỳ-khưu sẽ phạm cả tội **pārājikā** và **ānantariyakamma**. Nếu có một người khác chết thay, Tỳ-khưu chỉ phạm tội **pārājikā**. Nếu đó là một phi nhân, Tỳ-khưu chỉ phạm tội **thullaccaya**. Nếu đó là một con vật, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pācittiya**.

Mô tả về ānāttikapayoga

“vatthum kālāñca okāsaṃ, āvudhaṃ iriyāpathaṃ, tulayitvā pañca ṭhānāni, dhāreyyatthaṃ vicakkhaṇo.”

Tội pārājikā có thể bị phạm phải thông qua **ānāttikapayoga** phải được đánh giá dựa trên **sáu điểm**: đối tượng, thời gian, không gian, vũ khí, vị trí, và hành động cụ thể.

Vatthu (đối tượng)

Đối tượng ở đây là người bị giết. Khi một **Tỳ-khưu** ra lệnh cho một Tỳ-khưu khác giết một con người cụ thể, và nếu Tỳ-khưu nhận lệnh thực hiện điều đó mà không thất bại, Tỳ-khưu ra lệnh sẽ ngay lập tức phải chịu tội **pārājikā**. Khi hành vi giết người được thực hiện, Tỳ-khưu thực hiện việc giết người sẽ phạm tội **pārājikā**. Nếu Tỳ-khưu nhận lệnh giết lại giết nhầm một người khác, chỉ có Tỳ-khưu thực hiện hành vi giết người mới bị buộc tội **pārājikā**, còn Tỳ-khưu ra lệnh sẽ không bị buộc tội này.

Khi lệnh được giao cho một người đưa tin để truyền đạt cho người khác nhằm giết một cá nhân cụ thể, và nếu hành vi đó diễn ra mà không thất bại, Tỳ-khưu chính sẽ ngay lập tức phạm tội **pārājikā**. Người đưa tin, một khi thông điệp đã được truyền đạt, cũng sẽ phạm tội **pārājikā** nếu hành vi giết người diễn ra thành công. Người thực hiện việc giết người sẽ phạm tội **pārājikā** ngay khi hành vi giết người được thực hiện.

Bhikkhu bhikkhum āṇāpeti, itthannāmassa pāvada itthannāmo itthannāmassa pāvadatu itthannāmo itthannāmaṃ jīvita voropetūti āpatti dukkaṭassa. So itarassa āroceti āpatti dukkaṭassa. Vadhako patigaṇhāti mūlaṭṭhassa āpatti thullaccayassa. So taṃ jīvita voropeti, āpatti sabbesaṃ pārājikassa.

Đây là một câu trong **Pārājikā Pāḷi**. Ý nghĩa chung được truyền tải là nếu một Tỳ-khưu ra lệnh cho một Tỳ-khưu khác truyền đạt thông điệp giết một cá nhân cụ thể, thì sẽ phạm tội **dukkata**; khi thông điệp được truyền đạt, Tỳ-khưu thứ hai sẽ phạm tội **dukkata**; khi Tỳ-khưu thực hiện việc giết người chấp nhận lệnh, Tỳ-khưu chính sẽ phạm tội **thullaccaya**; khi hành vi giết người xảy ra, tất cả họ sẽ bị buộc tội **pārājikā**.

Ý nghĩa chính xác của câu này là nếu lệnh do Tỳ-khưu ra lệnh không thực hiện được và chỉ dừng lại ở việc ra lệnh, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội **dukkata**; nếu thông điệp được truyền đạt, người đưa tin sẽ phạm tội **dukkata**; nếu thông điệp được chấp nhận, Tỳ-khưu chính sẽ phạm tội **thullaccaya**. Nếu cái chết diễn ra chính xác như đã ra lệnh, Tỳ-khưu chính sẽ không bị buộc tội **dukkata** hoặc **thullaccaya**, mà ngay lập tức bị buộc tội **pārājikā**. Tỳ-khưu thứ hai cũng sẽ không bị buộc tội **dukkata**, mà ngay lập tức bị buộc tội **pārājikā**, vì nỗ lực liên quan đến việc giết người của họ đã hoàn thành thông qua hành động ra lệnh và truyền đạt thông điệp. Vì nỗ lực của Tỳ-khưu thực hiện việc giết người chưa được hoàn thành, nên Tỳ-khưu đó sẽ bị buộc tội **pārājikā** ngay khi hành vi giết người thực sự xảy ra. Đây là một vấn đề phức tạp và cần được suy ngẫm nhiều lần để hiểu rõ.

Khi **Buddhrakkhita** ra lệnh cho **Dhammarakkhita** yêu cầu **Sangharakkhita** giết một

người cụ thể, và nếu **Dhammarakkhita** nói với một người khác rằng **Sangharakkhita** không đủ can đảm để giết người và tìm một người khác để thực hiện hành vi giết người, **Budhdhrakkhita** sẽ không phạm tội **pārājikā**. **Dhammarakkhita** và Tỳ-khưu thực sự thực hiện việc giết người sẽ bị buộc tội **pārājikā**. Điều này là do thông điệp đã bị truyền đạt sai.

Kāla (thời gian)

Thời gian ở đây có nghĩa là khoảng thời gian cần thiết để người thực hiện hành vi giết người thực sự tiến hành hành động đó. Nếu một **Tỳ-khưu** ra lệnh giết một người vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều hoặc buổi tối, và người thực hiện giết nhầm vào thời điểm khác với lệnh đã được đưa ra, thì chỉ có Tỳ-khưu thực hiện hành vi giết mới phạm tội **pārājikā**, còn Tỳ-khưu ra lệnh sẽ không bị phạm tội **pārājikā**.

Okāsa (không gian)

Không gian ở đây là địa điểm nơi hành vi giết người diễn ra. Nếu một Tỳ-khưu ra lệnh giết người trong rừng, và nếu hành vi giết diễn ra trong rừng, cả hai Tỳ-khưu sẽ bị phạm tội **pārājikā**. Nếu việc giết người xảy ra trong làng, Tỳ-khưu ra lệnh sẽ không bị phạm tội **pārājikā**. Nếu ra lệnh giết trong nhà, nhưng thực tế lại diễn ra trên đường, hoặc ngược lại, Tỳ-khưu ra lệnh sẽ không phạm tội **pārājikā**, mà chỉ có kẻ giết người bị phạm tội.

Āvudha (vũ khí)

Vũ khí là đối tượng được sử dụng để giết người. Nếu lệnh giết người được đưa ra với việc sử dụng một loại vũ khí cụ thể như kiếm, dao găm, v.v., và hành vi giết được thực hiện bằng vũ khí đó, cả hai Tỳ-khưu sẽ bị phạm tội **pārājikā**. Nếu hành vi giết được thực hiện bằng một loại vũ khí hoặc phương pháp khác, Tỳ-khưu ra lệnh sẽ không bị phạm tội **pārājikā**.

Iriyāpatha (vị trí)

Vị trí ở đây có nghĩa là tư thế cần thiết để người thực hiện giết người thực hiện hành vi đó. Khi một **Tỳ-khưu** ra lệnh giết một người khi người đó đang ngủ, và Tỳ-khưu nhận lệnh thực sự thực hiện hành vi giết theo cách đó, cả hai Tỳ-khưu sẽ bị buộc tội **pārājikā**. Nếu hành vi giết người xảy ra ở một tư thế khác, Tỳ-khưu chính sẽ không bị buộc tội, và chỉ có Tỳ-khưu thực hiện hành vi giết sẽ bị buộc tội **pārājikā**.

Kiriya-visesa (hành động giết cụ thể)

Hành động cụ thể là cách thức mà việc giết người được thực hiện, chẳng hạn như bằng cách chặt, đâm, đập vào đầu, bóp cổ, v.v. Khi ra lệnh giết người bằng cách bóp cổ, và nếu hành vi được thực hiện theo cách đó, cả hai Tỳ-khưu sẽ bị buộc tội **pārājikā**. Nếu hành vi

giết người được thực hiện bằng cách chặt đầu, thì Tỳ-khưu chính sẽ không bị buộc tội **pārājikā**.

Khi một cư sĩ ra lệnh giết mẹ hoặc cha của mình, và nếu người nhận lệnh thực hiện mà không thất bại, tội **ānantariyakamma** sẽ được phạm ngay lập tức. Nếu cư sĩ đó xuất gia và được thọ giới cao trước khi người nhận lệnh thực hiện việc giết, thì người đó sẽ không thể được thọ giới hoặc thọ giới cao. Khi lệnh giết được đưa ra, và nếu người nhận lệnh giết sau khi đã trở thành một **Arahant**, cả hai sẽ phạm tội **ānantariyakamma**.

Mô tả về thāvarapayoga

Khi một công cụ được đặt cố định và không di chuyển xung quanh được sử dụng để giết người, điều đó được gọi là **thāvarapayoga**. Nỗ lực **thāvara** đã được chỉ ra trong **Vinaya Pāli** theo bốn cách khác nhau:

1. Đào hố
2. Gài vũ khí vào các vật dụng có thể sử dụng
3. Giữ vũ khí ở gần
4. Giữ thuốc không phù hợp ở gần.

Đào hố

Nếu một **Tỳ-khưu** đào hố với ý định giết ai đó, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội **dukkaṭa**. Vì đây là hành vi chuẩn bị (pubbapayoga) của tội **pārājikā**, nên nó không thuộc tội **pācittiya** theo quy tắc huấn luyện **paṭhavikhaṇana**, mà được xem là tội **dukkaṭa**. Nếu người định giết chắc chắn rơi vào hố và chết, ngay khi hố được đào hoàn tất, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**. Nếu người khác rơi vào hố và chết, tội **pārājikā** sẽ không bị phạm. Nếu hố được đào với ý định rằng ai đó có thể rơi vào và chết, và sau đó có người (là con người) thực sự rơi vào và chết, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**. Nếu cha hoặc mẹ rơi vào hố và chết, tội **ānantariyakamma** sẽ bị phạm.

Quá trình đào hố diễn ra qua nhiều ý định. Rất khó để xác định dưới ý định nào Tỳ-khưu đào hố sẽ phạm tội **pārājikā**. **Buddhagosa thera**, tác giả của **Samantapāsādikā**, đã không giải quyết vấn đề này. Ngài đã đưa ra hai lập luận từ **Mahā-aṭṭhakathā** và **Mahāpaccariya-aṭṭhakathā** trong **Samantapāsādikā** về vấn đề này. Quan điểm của **Mahā-aṭṭhakathā** cho rằng tội sẽ được phạm với ý định đứng sau việc loại bỏ xô đất cuối cùng sau khi hố được đào xong và san phẳng. Theo chú giải của **Mahāpaccariya**, tội **pārājikā** sẽ được phạm với ý định đằng sau cú đào xẻng đầu tiên xuống đất nếu chắc chắn rằng một con người sẽ rơi vào và chết. Quan điểm của **San̄khepa-aṭṭhakathā** cũng tương tự. Tốt nhất là không cố gắng giải quyết vấn đề mà chính **Buddhagosa thera** cũng chưa tự giải quyết.

Việc giăng bẫy để gây chết do bị mắc kẹt, đặt bẫy để gây chết do bị chôn vùi, hay gán chông để gây chết do bị đâm đã được đề cập trong chú giải ngay sau hành động đào hố. Các tội **dukkata**, **thullaccaya** và **pārājikā** sẽ bị phạm phụ thuộc vào các yếu tố được đề cập. **Thāvarapayoga** cũng bao gồm việc để lại vũ khí ở những nơi mà người khác có thể ở hoặc ngủ với ý định giết người, áp dụng chất độc, để vũ khí gần để tạo điều kiện cho việc tự sát, và để các loại thuốc hoặc thực phẩm khó tiêu như bơ gán người bệnh, hy vọng rằng việc tiêu thụ chúng sẽ làm tăng tốc bệnh tật và dẫn đến cái chết.

Ca ngọy cái chết

Giết người không chỉ được thực hiện bằng cách sử dụng vũ khí, mà còn thông qua việc ca ngọy những lợi ích của cái chết. Khi một số người nhìn thấy các bệnh nhân mắc bệnh nan y như ung thư, chịu đựng trong thời gian dài, hoặc người mù và tàn tật đang đau khổ, hay người già không thể tự chăm sóc bản thân, họ có thể nghĩ rằng cái chết tốt hơn là phải chịu đựng quá lâu. Họ ca ngọy cái chết trước mặt những người này, suy nghĩ theo cách đó. Nếu ai đó nghe được và tự sát bằng một phương pháp nào đó, Tỳ-khưu đã ca ngọy cái chết sẽ phạm tội **pārājikā**.

Nếu hành vi ca ngọy cái chết dẫn đến việc mẹ hoặc cha tự tử, Tỳ-khưu sẽ phạm tội ānantariyakamma. Nếu một Tỳ-khưu giải thích các phương pháp tự sát dễ dàng cho một người đang suy nghĩ về cái chết, và người đó áp dụng phương pháp đó để tự sát, Tỳ-khưu sẽ bị buộc tội **pārājikā**.

Tỳ-khưu thường phải thuyết giảng Pháp cho bệnh nhân. Khi thuyết giảng, nếu Tỳ-khưu nói: “Ông đã tạo ra rất nhiều công đức, nếu chết ông sẽ lên thiên đường, tốt hơn nếu ông có thể lên thiên đường thay vì phải chịu đựng cuộc sống tồi tệ này,” và nếu sau khi nghe bài giảng đó, bệnh nhân tự sát, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**. Tỳ-khưu cần rất cẩn thận khi thuyết giảng Pháp cho bệnh nhân. Nếu việc nói về những lợi ích của cái chết

được thực hiện nhằm xoa dịu nỗi sợ hãi của người bệnh, sẽ không dẫn đến tội **pārājikā**. Tuy nhiên, nếu một Tỳ-khưu nhờ người khác thuyết giảng về lợi ích của cái chết và nếu ai đó tự sát sau khi nghe, Tỳ-khưu đó sẽ phạm tội **pārājikā**. Ngay cả khi điều này được thực hiện bằng văn bản, kết quả sẽ giống nhau. Nếu văn bản được viết bởi người khác (theo yêu cầu của Tỳ-khưu), và người đọc tự sát sau khi đọc nó, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**.

Hiện thị hình ảnh và các hành vi tương tự

Việc giết người có thể được thực hiện bằng cách hiển thị hình ảnh đáng sợ để gây sợ hãi. Hình ảnh đẹp có thể gợi lên sự ham muốn mãnh liệt cũng có thể được sử dụng để giết. Âm thanh đáng sợ cũng có thể giết chết. Mùi, vị, và xúc giác cũng có thể được sử dụng để giết. Nếu Pháp được thuyết giảng theo cách đáng sợ, điều đó cũng có thể dẫn đến cái chết. Nếu một Tỳ-khưu giết một người bằng bất kỳ kỹ thuật nào, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**.

Tự sát

Việc tự sát là nguyên nhân dẫn đến tội đối với một Tỳ-khưu.

Na ca bhikkhave attānaṃ pātetabbam, yo pāteyya āpatti dukkaṭassa

Này các Tỳ-khưu, một người không được làm tổn hại bản thân mình, nếu làm vậy, sẽ phạm tội **dukkata**.

Tự sát bằng cách nhảy từ vách đá sẽ không dẫn đến tội **pārājikā** như khi tước đoạt mạng sống của người khác. Nếu một Tỳ-khưu tự sát bằng cách nhảy từ độ cao, nhảy xuống nước, nhảy vào phương tiện di chuyển, uống thuốc độc, nhảy vào lửa, tự thiêu, hoặc không ăn, sẽ phạm tội **dukkata**. Tuy nhiên, chú giải chỉ ra rằng sẽ không phạm tội nếu Tỳ-khưu bị bệnh nặng và làm người chăm sóc cảm thấy mệt mỏi, và nếu người chăm sóc cảm thấy chán nản vì người bệnh, Tỳ-khưu từ chối ăn vì biết rằng cuộc sống của mình không thể kéo dài lâu và muốn giảm gánh nặng cho người khác. Chú giải còn chỉ ra rằng Tỳ-khưu có thể từ chối ăn vì mục đích thiền định, để lại mong muốn sống và những trở ngại như việc tìm kiếm thức ăn.

Nếu một Tỳ-khưu nói rằng sẽ chết vì đã phạm sai lầm, hoặc tuyệt thực để chết vì đất nước, dân tộc hay vì **Phật giáo**, nếu những điều kiện không được đáp ứng, một tội sẽ được phạm. Nếu Tỳ-khưu chết trong quá trình này, sẽ chết trong khi phạm tội.

Các trường hợp phạm tội

Các trường hợp phạm tội theo quy tắc huấn luyện **manussaviggaha** bao gồm:

1. Một Tỳ-khưu cố ý giết một con người. Tỳ-khưu sẽ phạm tội **dukkata** cho tất cả các

nổ lực như tìm kiếm vũ khí, v.v. Khi con người bị tấn công đau khổ, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **thullaccaya**. Nếu con người chết, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pārājikā**.

2. Một Tỳ-khưu cố ý giết **yakkhas, petas**, hoặc động vật như **nāgas** giả dạng con người. Khi tìm kiếm vũ khí, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **dukkaṭa**. Khi những sinh vật không phải con người bị đau khổ, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **dukkaṭa**. Khi những sinh vật này chết, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **thullaccaya**.
3. Một Tỳ-khưu cố ý giết một động vật. Tất cả các hành động chuẩn bị sẽ dẫn đến tội **dukkaṭa**. Khi động vật bị tấn công đau khổ, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **dukkaṭa**. Nếu động vật chết, Tỳ-khưu sẽ phạm tội **pācittiya** theo quy tắc huấn luyện **sañcicca**.

Các trường hợp không phạm tội

Các trường hợp không phạm tội liên quan đến quy tắc huấn luyện này bao gồm:

1. **Asañcicca** – Nếu Tỳ-khưu thực hiện một hành động mà không nghĩ rằng “hành động này có thể giết chết sinh vật”, và trong khi thực hiện hành động đó dẫn đến cái chết của con người, sẽ không phạm tội.

Trong một trường hợp, một **Tỳ-khưu** đang sắp xếp chỗ ngồi trong một hội trường, một Tỳ-khưu khác nhắc một cái chày lên, và Tỳ-khưu đầu tiên đã lấy một trong những cái chày đó. Cái chày thứ hai khi rơi xuống sàn đã đánh trúng đầu một đứa trẻ, dẫn đến cái chết. Đức Phật đã thuyết rằng **Tỳ-khưu** này không phạm tội vì không biết rằng hành động của mình có thể giết chết một sinh vật hoặc không hề biết gì về việc này.

2. **Ajānantassa** – Nếu một Tỳ-khưu không biết rằng “vật này, công cụ này hoặc vật phẩm này có thể gây ra cái chết cho một sinh vật”, và thực hiện một hành động khiến một người bị giết bởi vật đó, công cụ đó hoặc vật phẩm đó, sẽ không phạm tội.

Có một lần, một **Tỳ-khưu** dâng một phần đồ ăn trong bát khát thực của mình cho một Tỳ-khưu khác. Đồ ăn đó đã bị nhiễm độc, và Tỳ-khưu người dâng đồ ăn không biết điều đó. Tỳ-khưu ăn phần đồ ăn đó đã qua đời. Khi Đức Phật hỏi, Tỳ-khưu người dâng đồ ăn đã nói rằng mình không biết có độc trong thức ăn. Do đó, Tỳ-khưu này sẽ không phạm tội.

3. **Namaraṇādhippāyassa** – Dù biết rằng một hành động cụ thể sẽ được mình thực hiện, nhưng nếu không có ý định giết một sinh vật, và hành động đó được thực hiện dẫn đến cái chết của con người, sẽ không phạm tội.

Một phụ nữ không có khả năng sinh con đã từng xin một loại thuốc từ một **Tỳ-khưu** để có thể sinh con. Tỳ-khưu đã đưa cho bà thuốc, nhưng kết quả là bà đã qua đời. Vì Tỳ-khưu không có ý định giết người phụ nữ, nên sẽ không phạm tội.

4. Ummattakassa

5. Khittacittassa

6. Vedanaṭṭassa

7. Ādikammikassa

Các yếu tố

Năm yếu tố cần phải hoàn thành để tội **manussaviggaha pārājikā** được xác định là:

1. Sinh vật mà mình có ý định giết phải là con người
2. Biết rằng sinh vật đó còn sống
3. Có ý định giết sinh vật đó
4. Sử dụng chiến thuật để giết sinh vật
5. Chiến thuật đó dẫn đến cái chết của con người